

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ LỘC
THÀNH PHỐ HUẾ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 46/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28-03-2025.

V/v: *Ly hôn*.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, THÀNH PHỐ HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Minh Khôi và bà Nguyễn Vũ Như Quỳnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Đình Hoàng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 03 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 231/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024, về việc: “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện P, thành phố H; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện P, thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 30 tháng 9 năm 2024 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày như sau:

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T1 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố H) vào ngày 13/08/2020. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, anh T1 không có trách nhiệm với gia đình, chị T đã khuyên nhiều lần nhưng

anh T1 không nghe, vợ chồng cãi nhau. Chị T không còn tình cảm với anh T1 nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T1.

Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị T trình bày vợ chồng có 01 người con chung là Nguyễn Văn T2, sinh ngày 17/4/2002, đã trên 18 tuổi, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án và Giấy triệu tập; các Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho anh T1 về việc chị T xin ly hôn. Nhưng quá thời hạn luật định anh T1 không có văn bản trình bày ý kiến. Tòa án cũng đã nhiều lần thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T1 đều vắng mặt nên Tòa không tiến hành hòa giải được.

Tại biên bản xác minh ngày 06/12/2024, Ủy ban nhân dân xã L cho biết anh Nguyễn Văn T1 có nơi cư trú tại thôn Đ, xã L, huyện P, thành phố H. Do Tòa án không thể tổng đạt văn bản tố tụng cho anh T1 nên Tòa án tiến hành niêm yết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa lần thứ nhất do bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 28/03/2025, đồng thời niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định nhưng anh T1 tiếp tục vắng mặt.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành pháp luật, không tham gia các phiên hoà giải và các phiên tòa làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo Điều 175, Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nêu trên là hợp lệ nhưng bị đơn

vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Bởi vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T1 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố H) vào ngày 13/8/2020. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hợp pháp. Xét về quá trình hôn nhân giữa chị T và anh T1, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình sống chung, giữa hai người đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng nhau, anh T1 không có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng thiếu sự chia sẻ. Hiện nay cuộc sống mỗi người tự lo liệu, không còn quan tâm đến nhau. Anh T1 biết chị T xin ly hôn nhưng cũng bỏ mặc, không có ý kiến. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn của vợ chồng đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T.

[2.2] Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Đối với người con chung là Nguyễn Văn T2, sinh ngày 17/4/2002 đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T1.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T

đã nộp theo biên lai số 0003685, ngày 21/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lộc. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Chi cục THADS huyện Phú Lộc;
- Đương sự;
- UBND xã Lộc Trì
(ĐKKH ngày 13/08/2020);
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Phương Thảo

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

